

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024-2025

Mẫu giáo 3-4 tuổi(Thời gian thực hiện 35 tuần)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian
1	Trường Mầm non – Bé vui trung thu (3 tuần)	- Bé vui đón tết trung thu	1	9/9 -13/9/2024
		- Lớp Mẫu giáo của bé	2	16/9 - 20/9/2024
		- Trường mầm non thân yêu	3	23/9 - 27/9/2024
2	Bản thân -Ngày hội 20/10 (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	4	30/10 - 4/10/2024
		- Cơ thể bé và bạn	5	7/10 - 11/10/2024
		- Bé cần gì để lớn lên và mạnh khỏe	6	14/10 -18/10/2024
3	Gia đình bé - Vui ngày hội cô giáo (5 tuần)	- Gia đình bé	7	21/10 - 25/10/2024
		- Ngôi nhà bé ở	8	28/10 -1/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	4/11 - 8/11/2024
		- Vui hội cô giáo	10	11/11 - 15/11/2024
		- Nhu cầu của gia đình	11	18/11 - 22/11/2024
4	Nghề nghiệp - Ngày TLQĐNDVN (4 tuần)	- Nghề trồng trọt	12	25/11 - 29/11/2024
		- Nghề xây dựng	13	2/12 - 6/12/2024
		- Nghề bác sỹ.	14	9/12 - 13/12/2024
		- Ngày tết của các chú bộ đội	15	16/12 - 20/12/2024
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 - 27/12/2024
		- Động vật sống dưới nước	17	30/12 - 3/1 /2025
		- Động vật sống trong rừng	18	6/1 - 10/1 /2025
		- 1 số loài chim	19	13/1 -17/1 /2025
6	Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3(6 tuần)	- Bé vui đón tết	20	20/1 - 24/1 /2025
		- Mùa xuân và những cây xanh	21	10/2 - 14/2 /2025
		- Một số loại rau - củ	22	17/2 - 21/2 /2025
		- Những bông hoa đẹp	23	24/2 - 28/2 /2025
		- Ngày 8/3	24	03/3 - 07/3/2025
		- Một số loại quả	25	10/3 - 14/3 /2025
7	PT và quy định PTGT (3 tuần)	- PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	26	17/3 - 21 /3/2025
		- PT và QĐGT đường thủy	27	24/3 - 28/3 /2025
		- PT và QĐGT đường không	28	31/3 - 4/4/2025
8	Nước và các HT TN (3 tuần)	- Sự kỳ diệu của nước	29	7/4 - 11/4/2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên.	30	14/4 - 18/4/2025
		- Sự kỳ diệu của đá, cát, sỏi	31	21/4 - 25/4/2025
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (4 tuần)	- Diễn Phúc quê hương em	32	28/4 - 2/5/2025
		- Diễn Châu mến yêu	33	5/5 - 9/5/2025
		- Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác	34	12/5 - 16/5/2025
		- Du lịch Nghệ An	35	19/5 - 23/5/2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CS - GD TRẺ 3 – 4 TUỔI
NĂM HỌC 2024 -2025

I. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC VỆ SINH - DINH DƯỠNG

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn <i>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> <i>b. Chăm sóc bữa ăn</i>	+ Tổ chức cho trẻ ăn 1 bữa chính và một bữa phụ. + Thực đơn được thay đổi theo mùa, gồm có cơm, món mặn, món xào, canh, hoa quả tráng miệng. + Nước uống: Khoảng 1,6 -2,0 l/trẻ/ngày(kể cả trong thức ăn). - Mùa đông trẻ uống nước ấm, mùa hè cho trẻ uống nước đun sôi để nguội. - Trước khi ăn: Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa. - Chú ý rèn trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Trong khi ăn: - Cô chia cơm ra từng bát, trộn đều cho trẻ ăn ngay sau khi chia, không để trẻ ngồi đợi lâu. - Trong khi ăn cần tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, động viên, khuyến khích trẻ ăn hết khẩu phần, không được dọa, nạt trẻ trong khi ăn. + Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: + Trong khi ăn cần chú ý đề phòng tránh hóc, sặc ở trẻ. - Thường xuyên thông tin kịp thời với phụ huynh về tình trạng trẻ biếng ăn để có biện pháp chăm sóc. + Sau khi ăn: Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, súc miệng nước muối, đi vệ	Ban giám hiệu, Giáo viên, nhân viên, cô nuôi, Phụ huynh	<i>BGH nhà trường có sự điều chỉnh sau khi nhận được ý kiến từ giáo viên , phụ huynh</i>

	sinh....		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	a. Trước khi trẻ ngủ - Trẻ cùng cô chuẩn bị phản ngủ, chiều. - Trước khi trẻ ngủ, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh, hướng dẫn trẻ lấy chăn, gối... - Bố trí chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. * Trong khi ngủ: - Trong khi trẻ ngủ giáo viên trực để quan sát, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra. C. Sau khi ngủ - Sau khi ngủ dậy, trẻ nào thức giấc trước cô cho dậy trước, tránh đánh thức cùng một lúc ảnh hưởng đến trẻ khác và sinh hoạt của lớp. Không nên đánh thức trẻ dậy sớm trước khi trẻ tự thức giấc vì dễ làm cho trẻ cáu kỉnh, mệt mỏi. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức , nhắc trẻ đi vệ sinh. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.	BGH, Giáo viên chủ nhiệm cô nuôi	
3.3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ - Thân thể sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, móng tay cắt ngắn. - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ + Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ để vệ sinh cho trẻ . + Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân đúng quy trình + Tập cho trẻ có thói quen uống nước và súc miệng đánh răng sau khi ăn.		

b) Vệ sinhmôitruờng	+Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: Hàng tuần GV lên lịch vs ít nhất 1 lần / tuần. + Vệ sinh phòng nhóm: Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hàng ngày Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hàng ngày trước khi ra về + Xử lý rác, nước thải Phải có thùng rác tại các lớp. Nhắc trẻ có ý thức giữ gìn vs chung. + Giữ sạch nguồn nước: Khơi thông cống rãnh, nguồn nước đảm bảo. Chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường		
3.4.Tổ chứcchăm sóc sức khỏe và an toàn a) Chăm sóc sức khỏe b)Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:	+ Khám sức khỏe định kì: Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; + Khám điều trị chuyên khoa: Phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa +Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao +Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Trẻ 3-4 tuổi theo dõi cân nặng 3 tháng/lần; theo dõi chiều cao vào tháng 9 và tháng 3 của năm học. + Theo dõi tình trạng dinh dưỡng: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: +Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm, cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ +Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: Gv biết xử lý một số tình huống	- BGH - Giáo viên chủ nhiệm, - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Diễn Châu - Phụ huynh	

c) <i>Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i>	đơn giản - Thực hiện nghiêm cách phòng chống dịch Covid- 19 của bộ y tế trong trường + An toàn thể lực: - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt . - Có tủ thuốc tại nhà trường và có đủ các loại thuốc thông dụng. - Giáo viên dành thời gian tiếp xúc vui vẻ với trẻ. Tránh gò ép, dọa nạt, phê phán trẻ + An toàn tính mạng: - Không để xảy ra tai nạn và thất lạc trẻ. - Sàn nhà vệ sinh khô ráo, tránh trơn trượt. - Không cho trẻ tiếp xúc với người lạ mặt hoặc nhận quà từ người lạ. - Kịp thời Giải quyết những vấn đề về CSVC chưa đảm bảo an toàn để có biện pháp sửa chữa:		
4.Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Cô quan tâm gần gũi - Có đầy đủ hồ sơ trẻ khuyết tật, - Có kế hoạch và chăm sóc trẻ khuyết tật phù hợp theo từng dạng khuyết tật, theo dõi sự tiến bộ của trẻ.	BGH, giáo viên, phụ huynh	

II. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	+ Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng + Tập các bài tập thể dục thường xuyên + Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ + Cân đo và khám sức khỏe định kỳ. + Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng. + Cân nặng: - Trẻ trai: 12.7-21.2kg - Trẻ gái: 12.3-21.5 kg + Chiều cao:

	- Trẻ trai: 94.9- 111.7cm - Trẻ gái: 94.1-111.3cm
MT2. Nói đúng tên một số thực phẩm, tên một số món ăn quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh(thịt, cá, trứng, sữa, rau ...)	+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc: Trứng rán, cá kho, canh rau... + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ chất đủ lượng. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.....)
MT3. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh khi được nhắc nhở	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ chất đủ lượng, chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn gọn gàng, hết suất. + Uống nước đã đun sôi + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT4. Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...)	+ Làm quen cách đánh răng + Thực hiện vệ sinh cá nhân rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh... lau mặt, súc miệng . + Tự tháo tất,cởi quần áo....: - <i>Dạy trẻ kỹ năng cởi, mặc, quần áo.</i>
MT5. Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	+ Tập cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng ký hiệu. + Tự cầm bát, thìa xúc cơm ăn. - <i>Dạy trẻ kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách</i>
MT6. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. + Dạy trẻ kỹ năng “ <i>Cách đeo khẩu trang</i>”, “<i>Rửa tay bằng xà phòng, nước sát khuẩn</i>”.
MT7. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở	+ Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: bàn là, phích nước nóng, phích điện, ổ cắm điện... + Không chơi những nơi nguy hiểm: ao, hồ sông, bể chứa nước, giếng, hố vôi: - <i>Kỹ năng phòng chống đuối nước</i>
MT8. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Những nơi nguy hiểm đến tính mạng (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...), một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

MT9. Trẻ biết tránh hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Tự phòng tránh một số hành động nguy hiểm: Không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không đi theo người lạ: - <i>Kỹ năng phòng tránh bắt cóc trẻ.</i>
MT10. Trẻ thực hiện được đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục.	+ Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Tập động tác tay: - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. - Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Lưng, bụng, lườn: - Cúi về phía trước. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.
MT11. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	+ Đi kiềng gót. + Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). + Đi kiềng gót(liên tục 3m). + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi trên ghế thể dục. + Đi bước dồn ngang. + Đi bằng gót chân. + Đi trên vạch kẻ thẳng.
MT12. Trẻ giữ thăng bằng và kiểm soát được các vận động khi đi và chạy (đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm) không lệch ra ngoài	- Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc 3-4 điểm
MT13. Thực hiện hồi hợp tay-mắt trong vận động: -Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	+ Đập bóng xuống sàn và bắt bóng. + Tung bắt bóng với cô. + Lăn bóng cho bạn + Lăn bóng vào lưới + Lăn bóng và đi theo bóng. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay. + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc + Chuyển bóng qua đầu, qua chân + Đập bóng xuống sàn bằng 2 tay.

MT14. Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động: bò, trườn, trèo	+ Bò theo hướng thẳng. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường dích dắc + Trườn về phía trước + Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế. + Trèo lên xuống thang. + Bước lên, xuống bậc cao 30cm
MT15. Thể hiện mạnh dạn, tự tin trong vận động.	+ Bật tại chỗ. + Bật về phía trước + Bật xa 20 - 25 cm.
MT16. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang(xa 1,5m).
MT17. Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay; Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.
MT18. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	+ Gập các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Đan tết. + Xếp chồng các hình khối khác nhau + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút + Tô vẽ nguệch ngoạc + Tự cài, cởi cúc, tự tháo, cởi dây dép.....
MT19. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ hình tròn; Cắt thẳng; Xé dán; Xếp chồng khối; Cài, cởi cúc,...	+ Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm + Sử dụng kéo bút; Tô, vẽ nguệch ngoạc. + Xé, dán giấy + Cài, cởi cúc; Đan, tết.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học MT20. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	+ Quan sát cây cối, hoa, quả. + Quan sát con vật. + Quan sát nắng, mưa, thời tiết, bầu trời và ảnh hưởng của nắng mưa... đến sinh hoạt của trẻ.
MT21. Trẻ nhận biết được đặc điểm nổi bật và lợi ích của một số loại cây, hoa, quả, con vật quen thuộc. - Gọi tên một số quả, con vật gũi, màu sắc bằng tiếng anh	+ Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu : - Một số loại cây - Một số loại rau - Một số loại hoa, quả. - Một số con vật quen thuộc

MT 22 .Trẻ biết gọi tên, đặc điểm, cấu tạo, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Một số phương tiện giao thông
MT23. Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. Biết nhu cầu của bản thân. Nói được tên 1 vài bộ phận trên cơ thể bằng tiếng anh	+ Nhận biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể: Cơ thể bé và bạn + Nhu cầu của bản thân.(Cần gì lớn lên và khỏe mạnh)
MT24. Làm thử nghiệm đơn giản để quan sát, tìm hiểu đối tượng với sự giúp đỡ của người lớn.	+Thả vật chìm nổi. +Pha màu nước, pha đường, muối.
MT 25. Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Đồ dùng đồ chơi bé trai , bé gái. - Đồ dùng gia đình. - Đồ dùng, sản phẩm của một số nghề
MT26. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non. - Đồ dùng trong gia đình - Một số loại hoa, loại quả... - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước... - Một số phương tiện giao thông đường bộ. (Lồng ghép: <i>Dạy trẻ kỹ năng Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy</i>)
MT27. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	+ Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT28. Trẻ nhận biết được một số hiện tượng tự nhiên gần gũi, quen thuộc (mưa, nắng, ngày, đêm, cát, đá, sỏi...)	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Một số hiện tượng tự nhiên: Mây, mưa, sấm, chớp . + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nắng, mưa, nóng, lạnh.
MT29. Thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	+ Hiểu được mối quan hệ trong các trò chơi, thể hiện các vai chơi (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh..). + Thể hiện tình cảm trong các bài hát, sản phẩm tạo hình: - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi,

	phương tiện giao thông đơn giản.
Khám phá xã hội	
MT30. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện; tên bố, mẹ và các thành viên trong gia đình, tên trường lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng về lớp học, trường mầm non Nói được tên, tuổi của bản thân bằng tiếng anh.	+ Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân: - Bé tự giới thiệu về mình. + Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình. (GD bé) + Địa chỉ gia đình(Ngôi nhà bé ở) + Nhu cầu gia đình + Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp. + Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.
MT31. Kể tên và nói được sản phẩm, và ích lợi của 1 số nghề phổ biến.	+ Nhận biết một số nghề truyền thống gần gũi: - Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến: Nghề làm ruộng;Thợ xây; cô giáo; Bác sỹ; bộ đội. - Thăm cánh đồng lúa, lạc, ngô...
MT32. Kể tên một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	+ Nhận biết các hoạt động trong ngày hội trong trường mầm non và lễ hội địa phương: Ngày khai giảng; Tết Trung thu; Ngày 20/11; Ngày 22/12; Noel; Ngày tết Nguyên đán; Ngày 8/3 và Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5. -Trẻ trải nghiệm đi chợ xuân
MT33. Kể tên một vài danh lam thắng cảnh, những địa danh của quê hương.	+ Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, quê hương, Bác Hồ. + Nhận biết 1 số đặc điểm nổi bật về quê hương Diên Phúc: Di tích văn hóa phi vật thể Họ Trần Đức Lương- ở Thôn Yên Xuân; Đình Làng ở Thôn Tràng Thân; Diễn Châu, Nghệ An với những địa danh: Đền An Dương Vương, hồ Xuân dương, sông Bùng, lèn Hai vai, quê Bác Hồ, quảng trường Hồ Chí Minh.... : - Diên Phúc quê hương em - Diễn Châu mến yêu - Nghệ an yêu dấu *. Trải nghiệm :Thăm cánh đồng lúa
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT34. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.

MT35. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. Biết so sánh số lượng giữa 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 bằng tiếng anh.	+ Sự khác biệt rõ nét về số lượng của 2 nhóm đồ vật. Sử dụng đúng từ: Nhiều hơn-ít hơn. - 1 và nhiều - Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng. - Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng. - Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng.
MT36. Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5	- Tách, gộp trong phạm vi 3; - Tách, gộp trong phạm vi 4. - Tách, gộp trong phạm vi 5.
MT37. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu)và sao chép lại	- Ghép đôi. - Xếp tương ứng 1-1; - Xếp xen kẽ.
MT38. Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước (to hơn, nhỏ hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau)	- To hơn - Nhỏ hơn - Cao hơn - thấp hơn - Dài hơn - ngắn hơn. - Rộng hơn - hẹp hơn.
MT39. Trẻ nhận dạng, gọi tên được các hình (tròn, vuông, tam giác, chữ nhật)	+ Nhận biết, gọi tên: Hình vuông - hình tròn + Nhận biết, gọi tên: Hình tam giác - hình chữ nhật; + Sử dụng các hình học để ghép.
MT40. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	+ Nhận biết phía trên- phía dưới - Phía trước- phía sau của bản thân + Nhận biết Tay phải- tay trái của bản thân.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT41. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	+ Nghe, hiểu lời nói và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT42. Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Quần áo, đồ chơi, hoa quả...	+ Hoa: Hoa đào,hoa hồng, hoa cúc... + Quả: Cam, xoài, chuối.. + Đồ chơi: Bóng, búp bê, hay đu quay, cầu trượt, bập bênh... + Đồ dùng trong gia đình: bàn là, ấm điện, quạt trần... + Các con vật: Chó; gà, vịt; voi, sư tử; tôm, cá... + PTGT: Ô tô, xe máy, - Hiện tượng tự nhiên: Mưa, nắng, sấm, chớp...
MT43. Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nói, trả lời câu hỏi và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: Giữa cô - trẻ; Trẻ -Trẻ.
MT44. Nói rõ tiếng, đủ nghe, biết sử dụng các từ “ Dạ, thưa, vâng ạ”...trong giao tiếp	+ Phát âm các tiếng của tiếng việt. + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”. + Sử dụng các từ biểu thị lễ phép.

	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT45. Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	+ Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép. + Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. + Trả lời và đặt câu hỏi.
MT46. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	+ Kể lại sự việc: Đi chơi, đi thăm ông bà....
MT47. Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...phù hợp với độ tuổi. * Đồng dao, ca dao: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lúa ngô là cô đậu nành. - Con kiến mà leo cành đa. - Lộn cầu vòng. - Dung dăng dung dẻ. - Đố ai đếm được lá rừng. * Thơ: * Trường MN – Bé vui trung thu - Cô giáo của con (Hà Quang), - Bạn mới (Nguyệt Mai), - Trăng sáng (Nhược Thủy và Phương Hoa), -Mẹ và Cô (Trần Quốc Toàn) * Bản Thân: Miệng xinh(Phạm Hồ - Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ), - Thỏ bông bị ốm , -Sáo học nói (Mai Ngọc Uyển) * Gia đình- Vui hội cô giáo - Thăm nhà bà (Như Mạo - Chiếc quạt nan (Xuân Cầu), - Gió từ tay mẹ (Vương trọng), -Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn) * Ngành nghề- Ngày TLQĐNDVN - Làm nghề như bố , - Hươu cao cổ (Định Hải), - Em làm thợ xây (Hoàng Dân), - Chú giải phóng quân (Cầm Thơ) - Các cô thợ (Ngọc Thi), - Làm học sic để thôi (Tùng Bách)

	* Thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày 8/3 - Cây dây leo, (Xuân tửu). - Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên) - Hoa mào gà (Thanh Hà). - Bắp cải xanh (Phạm Hồ - Củ cà rốt (Phạm Hồ) - Bắp cải xanh - Quả mồng 8-3. - Bó hoa tặng cô +Dán hoa tặng mẹ * Động vật Rong và cá (Phạm Hồ), - Đàn gà con (Phạm Hồ), - Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng -Bởi tôi là vịt (Phạm Thái Quỳnh * Quy định và PTgiao thông - Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải) - Xe chữa cháy (Phạm Hồ -Xe đổ rác (suru tâm) * Nước và các HT TN - Mưa làm nũng (Nguyễn Trọng Hoàn), - Gió (Đặng Hận) - Nước (Vương Trọng - Bé yêu trăng (Lệ Bình), - Nắng ấm * Quê Hương yêu dấu- Bác Hồ của em - Bác Hồ của em - Bé em tập nói - Quê em vùng biển - Làng em - Ai dậy sớm (Võ Quảng) - Ngôi nhà(Tô Hà).
MT48. Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	* Trường Mầm Non- Bé vui trung thu - Quả trung thu; Đôi bạn tốt; Bác voi tốt bụng; Gà tơ đi học; Mèo hoa đi học.
MT49. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	* Bản thân: Mỗi người 1 việc; Gấu con bị đau răng; Cậu bé mũi dài, Món quà đặc biệt. * Gia Đình Bé- Vui hội cô giáo - Cả nhà đều làm việc; Bó hoa tươi thắm; Quà tặng mẹ; Gà trống và vịt bầu; Chiếc ấm sành nở hoa; Chú vịt xám; Nhỏ củ cải;... * Nghành nghề- Ngày TLQĐNDVN - Bé hành đi khám bệnh; Gà trống choai và hạt đậu; Cây rau của thỏ út;

	* Những con vật đáng yêu Chú vịt xám; Bác gấu đen và hai chú thỏ; Thỏ con ăn gì; Cáo, thỏ và gà trống; Chú gà trống kiêu căng; Giọng hót chim Sơn Ca; Rùa con tìm nhà; Ba con gấu... * Thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày 8/3. + Sự tích ngày tết(Viết linh); Nhổ của cải Hoa mào gà, Chú đỗ con, Cỏ và lúa; Sự tích các loại hoa; Gói hạt kì diệu; Hoa bìm bìm; ... * Quy định và PTGT + Xe lu và xe ca; Tâm sự của vỏ hộp; Kiến con đi ô tô; Chiếc đầu máy xe lửa tốt bụng; Xe đạp con trên đường phố; Ai quan trọng hơn; * Nước Và Hiện tượng tự nhiên. + Cô út của ông mặt trời.; “Giọt nước tí xíu”; Nàng tiên mưa; Chú bé giọt nước; Biển, sông và suối; Lửa, nước mưa và con hồ kiêu ngạo... * Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em + Đôi bạn tốt; Khen các cháu; Ai ngoan sẽ được thưởng; Truyền thuyết “Vua Hùng trồng kê tra lúa”; Truyền thuyết” Vua hùng dạy dân cấy lúa”...
MT50. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật theo tranh, thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	+ Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật theo tranh. + Vẽ, “viết” nguệch ngoạc
MT51. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh, gọi tên nhân vật trong tranh	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách(hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). + Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện” + Giữ gìn sách. + Hoạt động ở thư viện của bé. + <i>Trải nghiệm: Ngày hội đọc sách</i>
MT52. Nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.	+ Làm quen với 1 số ký hiệu: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường dành cho người đi bộ....
MT53. Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Làm quen với cách viết tiếng viết (hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới).
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT54. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm	+ Tên tuổi, giới tính của bản thân + Nói được điều bé thích, không thích: Thích bạn nào, thích đồ chơi gì, thích đến lớp....

được	
MT55. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, và mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi; biết chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	+ Tự tin khi tham gia vào hoạt động(trò chơi, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân) và trả lời câu hỏi.
MT56. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (xếp đồ chơi...).	+ Thực hiện công việc được người lớn giao như trực nhật: Chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi, xếp cất gối...
MT57. Nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh). Biết Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; Trò chơi; Hát, vận động.
MT58. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và kính yêu Bác. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	+ Hình ảnh Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. + Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ: Bài thơ “Bác Hồ của em”. Chuyện “Quả táo của Bác Hồ
MT59. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. Chú ý nghe cô, bạn nói. - Biết chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng anh.	+ Cử chỉ, thái độ, lời nói lễ phép(Chào hỏi, cảm ơn, lắng nghe khi người khác nói) - <i>Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn.</i>
MT60. Trẻ thực hiện được một số quy quy định ở lớp và gia đình	+ Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn... - <i>Dạy trẻ kỹ năng: Lấy, cất dọn đồ dùng sau khi ngủ dậy(xếp gối, chiếu); cất dọn đồ dùng, đồ chơi sau khi học, chơi xong.</i> + Ở gia đình : Yêu mến ông bà, bố mẹ, anh, chị, em, vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, xin phép trước khi đi và chào hỏi khi về.... - <i>Dạy trẻ kỹ năng: Bé nói lời yêu thương</i>
MT61. Cùng chơi với các bạn trong trò chơi theo nhóm nhỏ.	+ Chờ đến lượt. + Chơi hòa thuận với bạn.
MT62. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối: - <i>Trải nghiệm làm vườn.</i> + Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt + Giữ gìn vệ sinh môi trường: - <i>Nhặt bỏ rác đúng nơi quy định:</i> + Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	

MT63. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	+ Vui sướng, vỗ tay, nói lên sự thích thú khi nhìn thấy những hình ảnh đẹp, mới lạ, hấp dẫn như: Bức tranh đẹp, bông hoa đẹp, con vật đáng yêu, bài hát hay....
MT64. Trẻ chú ý nghe, tỏ thích thú nghe nhạc, nghe hát, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư..) theo bài hát, bản nhạc quen thuộc - Nghe 1 số bài hát đơn giản bằng tiếng anh.	* Trường Mầm Non- Bé vui trung thu - Đi học (Bùi đình Thảo), ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện, cô giáo (Đỗ Mạnh Thường), chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên) * Bản thân: Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ), thật đáng chê (Việt Anh), nắm tay thân thiết(Nhạc: Hàn Quốc), em là bông hồng nhỏ (Trịnh công sơn), cho Con (Phạm Trọng Cầu). * Gia đình Bé- Vui hội cô giáo - Khúc hát ru của người mẹ trẻ(Nhạc Phạm tuyên- thơ: Lâm thị Mỹ Dạ), ba ngọn nến lung linh,(Ngọc Lễ), cho con (Phạm Trọng Cầu), chỉ có một trên đời(Nhạc Trương Quang Lục, ý thơ: Liên xô), cô giáo(Đỗ Mạnh Thường), cô giáo miền xuôi. * Nghành nghề- Ngày TLQĐNDVN. - Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), đi cấy (Dân ca thanh hóa) * Những con vật đáng yêu. - Bắc kim thang(Dân ca nam bộ), rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích), con chim vành khuyên(Hoàng Vân), chim bay(dân ca liên khu V), chim chích bông(Nhạc: Văn Dung, Lời: Nguyễn Viết Bình), con cò(xuân Giao), chú mèo con(Nguyễn Đức Toàn) * Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3 . - Lý cây bông(Dân ca nam bộ), mùa xuân cô nuôi dạy trẻ, hoa thơm bướm lượn, hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hóa), mùa xuân đến rồi(Phạm Thị Sửu), mùa Xuân ơi(Nguyễn ngọc thiện), em yêu cây xanh(Hoàng Văn Yến), quà mừng 8/3(Hoàng Long), ngày vui 8/3. * Quy định và PTGT Đi trên vỉa hè (Nguyễn Thị Thanh), tàu hỏa (Bùi Anh Tôn), anh phi công ơi (Xuân giao – xuân quỳnh) * Nước và hiện tượng tự nhiên: Mưa rơi(Dân ca xá), mưa bóng mây, bé và trăng (Bùi Anh Tôn), cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà)

	* Quê Hương yêu dấu- Bác Hồ của em - Mưa rơi (Dân ca xá), anh trắng hòa bình (Hò Bắc), từ rừng xanh về thăm lăng Bác (Hoàng Long-Hoàng Lê), em như chim bồ câu trắng (Trần Ngọc), quê hương tươi đẹp(Dân ca Nùng), em nhớ Tây Nguyên(Văn tấn- Trần Qung Huy)
MT65. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên được cảm xúc trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	+ Chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
MT66. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc; biết vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...)	* Trường Mầm Non- Bé vui trung thu - Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên), cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn), rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên), vui đến trường (Hồ Bắc), * Bản thân: Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), cái mũi, xòe bàn tay năm ngón tay (Minh Quân), tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo), nào chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền), đường và chân(Hoàng Long- Xuân Tửu) * Gia Đình Bé- Vui hội cô giáo: Chiếc khăn tay (Văn Tấn), đi học về (Hoàng long –Hoàng Lê), nhà của tôi (Thu Hiền), cô và mẹ (Phạm Tuyên), cả nhà thương nhau(Phạm tuyên), cháu yêu Bà(Xuân Giao), * Nghành nghề- Ngày TLQĐNDVN. Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), cháu thương chú bộ đội, em tập lái ô tô ((Nguyễn văn Tý), lớn lên cháu lái máy cày .(Kim Hữu) * Những con vật đáng yêu - Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu), gà trông mèo con và cún con (Thế Vinh), voi làm xiếc

MT67. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	(Phan Hiền), cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải) * Thế giới thực vật- Tết và mùa xuân- Ngày 8/3: Lý cây xanh (Dân ca nam bộ), cây bắp cải (Thu Hồng), sắp đến tết rồi (Hoàng Vân), mùa hoa(Hồng Đăng), hoa kết trái(Phạm Thị Sửu- Hoàng thị Lộc), bông hoa mừng cô. * Quy định và PTGT: Đường em đi (Ngô Quốc Tính), đèn xanh đèn đỏ (Lương vĩnh), em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yên), đoàn tàu nhỏ xúi (Mộng Lân), * Nước và hiện tượng tự nhiên: Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai), mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), cháu vẽ ông mặt trời (Tan Huyền) * Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em: Em bé tập nói (Hoàng Long), hòa bình cho bé (Huy Trân), nhớ ơn Bác(Phan Huỳnh Điều), đi thăm thủ đô(Bùi Anh Tôn).
MT68. Trẻ biết tô, vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh đơn giản; biết sử dụng một số kỹ năng: xé, dán trong hoạt động tạo hình tạo thành sản phẩm đơn giản	+ Tô màu đu quay + Tô màu chùm bóng bay + Tô màu chiếc đèn lồng + Tô mùa mũ bé trai, bé gái + Trang trí khăn mùi soa + Tô màu bức tranh gia đình + Tô màu ngôi nhà của bé + Tô màu hình hoa + Tô màu một số sản phẩm nghề nông + Vẽ những cuộn len + Vẽ, tô màu bình hoa + Vẽ tô màu cây ăn quả + Vẽ, tô màu quả cà chua, quả bí xanh + Vẽ những bông hoa bằng vân tay + Vẽ tô màu cây ăn quả + Vẽ tô màu con gà + Tô màu con hươu cao cổ + Vẽ tô màu xe máy + Vẽ tô màu ô tô + Tô màu kính khí cầu + Vẽ mưa, cây, cỏ + Trang trí chiếc phao + Tô màu dây cò + Xé dán đuôi điều + Cắt dán con cá. + Xé dán tia nắng mặt trời

	+ Xé dán đám mây.
MT 69. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Làm tranh , ĐDDC sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên(Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu(Len, ống nút..) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô. * Trải nghiệm: - Làm quà tặng cô giáo, tặng mẹ; - Làm quà tặng chú bộ đội; - Trang trí cây hoa ngày tết; - Gấp thuyền; - Gấp máy bay; - Làm chong chóng; - <i>Làm đèn trung thu</i> - <i>Làm khuôn mặt bé từ các nguyên vật liệu</i> - <i>Làm bánh trôi</i> - <i>Làm các con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên</i> - <i>Gắn các bộ phận tạo thành xe ô tô, xe máy...</i>
MT70. Trẻ biết làm lốm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Nặn bánh hình tròn - Nặn bánh hình dài - Nặn quả tròn - Nặn củ cà rốt - Nặn bánh xe + Nặn đồ dùng trong gia đình(Đũa, thìa...) +Nặn quà tặng chú bộ đội
MT71. Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	+ Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm: Xếp nhà, xếp bàn, ghế, cầu, đường đi, hình người...
MT72. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra các sản phẩm đơn giản tạo hình theo ý thích:
MT73 . Biết nhận xét sản phẩm tạo hình. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	+Nhận xét các sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm tạo hình
<i>Mục tiêu tăng cường</i>	
MT74.Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính	- Tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính
MT75. Ngoại ngữ: Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với	-Nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với

lứa tuổi	
MT76. Múa. Trẻ nắm được các động tác cơ bản, biết được các động tác kết hợp, múa 01 bài múa.	-Thực hiện các động tác cơ bản và biết kết hợp các động tác: Nhún nhảy, dậm chân, vẫy cánh tay, cuộn cổ tay ... - Trẻ múa 1 bài đồng diễn

Diễn Phúc, tháng 8 năm 2021